

Bản án số: 07/2022/KDTM-PT

Ngày: 23-3-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán:

Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Đặng Kim Nhân.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23-3-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2021/TLPT-KDTM ngày 06-12-2021 về “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 21-10-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1301/2022/QĐ-PT ngày 07-3-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn **Xây dựng tổng hợp Đ**; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn N** - Chức vụ: Giám đốc công ty, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 26/UQCT ngày 08-8-2018):

1. Ông Trần Phi H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Vũ Xuân H; địa chỉ cư trú: tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần **V (V)**; địa chỉ trụ sở: Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 07/2015/UQ-HĐQT ngày 13-4-2015): Ông Nguyễn Thành L - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành L (Văn bản ủy quyền số 72/2021/UQ-TGD) ngày 15-4-2021):

Ông **Bùi Mạnh H** và ông **Nguyễn Minh V** - Cán bộ Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, đều có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Đ; địa chỉ trụ sở: tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc công ty (hiện đang cư trú tại nước ngoài), vắng mặt.

2. Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Đ trình bày:

Ngày 10-01-2018, Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng số 01/HĐKT/2018 với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ). Theo hợp đồng này, thì Công ty Đ nhận vận chuyển đá cho Công ty Đ với giá 110.000 đồng/m³, theo phương thức thanh toán; Công ty Đ sẽ chuyển cho Công ty Đ ứng trước 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), với điều kiện phía Công ty Đ phải cung cấp Chứng thư bảo lãnh tạm ứng do Ngân hàng có uy tín phát hành cho Công ty Đ. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Đ đã có hồ sơ yêu cầu Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Quảng Bình (viết tắt là Ngân hàng) đứng ra bảo lãnh theo Chứng thư số 074303, số tham chiếu MD1801200794 ngày 12-01-2018.

Trên cơ sở Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng, ngày 16-01-2018, Công ty Đ yêu cầu Công ty Đ chuyển vào 01 tài khoản của Công ty Đ mở tại Ngân hàng. Công ty Đ đã trực tiếp gặp ông Trần Đức H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng, kiêm Giám đốc SME Ngân hàng hướng dẫn hai bên thực hiện Chứng thư bảo lãnh. Để đảm bảo cho việc chuyển tiền, Công ty Đ đã yêu cầu Công ty Đ ký Phụ lục Hợp đồng số 101/PLHĐKT/2018 ngày 16-01-2018 không tách rời hợp đồng bổ sung thêm tài khoản thanh toán, sau đó Công ty Đ đã chuyển tiền trên tài khoản của phụ lục hợp đồng.

Do Công ty Đ đã vi phạm không thực hiện hợp đồng, nên Công ty Đ yêu cầu Ngân hàng trả tiền theo nghĩa vụ cam kết của Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng. Lúc này, Công ty Đ đã đàm phán xin gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, được ông Trần Đức H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng cam kết sẽ yêu cầu Công ty Đ thực hiện hợp đồng hoặc trả lại tiền tạm ứng cho Công ty Đ. Mặc dù, đã gia hạn

nhưng Công ty Đ vẫn không thực hiện hợp đồng và không trả lại tiền tạm ứng, nên ngày 23-6-2018, Công ty Đ đã gửi thư kèm theo hồ sơ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, yêu cầu Ngân hàng trả bảo lãnh và không đồng ý gia hạn thêm, nhưng không được Ngân hàng thực hiện.

Vì vậy, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Ngân hàng TMCP V phải thanh toán số tiền 1.300.000.000 đồng đúng theo nghĩa vụ đã cam kết và trả 34.700.000 đồng tiền lãi phát sinh từ ngày 28-6-2018 đến ngày 31-8-2018 và tiền lãi phát sinh từ ngày 01-9-2018 cho đến khi thi hành xong số tiền trên, theo mức lãi suất 8,5% x 150% năm.

Bị đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Bị đơn thừa nhận có phát hành Chứng thư bảo lãnh số BL074303, số tham chiếu MD1801200794 ngày 12-01-2018 (sau đây viết tắt là Thư bảo Lãnh) chưa có hiệu lực pháp lý và không làm phát sinh trách nhiệm của bị đơn, bởi lẽ:

Thứ nhất: Tại mục 10 của Thư bảo lãnh quy định: “*Thư bảo lãnh này được phát hành duy nhất một bản gốc và không có giá trị nhượng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày toàn bộ số tiền ứng trước được chuyển về tài khoản của bên được bảo lãnh tại V cho đến 18 giờ ngày 12-02-2018 hoặc đến thời điểm bên nhận bảo lãnh thu hồi hết số tiền ứng trước, tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn*”. Đề nghị phát hành của Công ty Đ và Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2018 ngày 10-01-2018 ký kết giữ nguyên đơn và Công ty Đ chỉ có thông tin số tài khoản để thực hiện giao dịch tạm ứng của Công ty Đ là 109287733 mở tại V Quảng Bình. Công ty Đ đề nghị V Quảng Bình tự động phong tỏa 1.300.000.000 đồng tại số tài khoản 109287733 của Công ty Đ mở tại V Quảng Bình sau khi tiền về tài khoản. Tuy nhiên, thực tế chưa có khoản tiền nào của nguyên đơn chuyển vào số tài khoản số 109287733 của Công ty Đ mở tại V Quảng Bình.

Thứ hai: Trong quá trình xem xét và phát hành Chứng thư bảo lãnh cho Công ty Đ đến nay V chưa nhận được bất kỳ thông báo, công văn chính thức nào từ phía Công ty Đ hoặc của nguyên đơn về việc thay đổi số tài khoản nhận tiền tạm ứng. Ngoài ra, theo bản sao Phụ lục hợp đồng kinh tế số 101/PLHĐKT/2018, do nguyên đơn cung cấp cho V sau khi đã có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thì việc ký phụ lục hợp đồng kinh tế đã được các bên ký kết vào tháng 02-2018 và tại phụ lục này các bên có thỏa thuận chỉ định số thay đổi tài khoản của Công ty Đ là 142263459 tại V Quảng Bình. Từ thời điểm các bên ký Phụ lục hợp đồng kinh tế số 101/PLHĐKT/2018 đến nay, tài khoản 142263459 của Công ty Đ cũng không có bất kỳ dòng tiền tạm ứng nào chuyển về.

Thứ ba: Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2018 ngày 10-01-2018 ký kết giữa nguyên đơn và Công ty Đ thỏa thuận “*Thời hạn thư bảo lãnh là 30 ngày*”. V đã phát hành Chứng thư bảo lãnh có thời hạn hiệu lực trong 30 ngày và trong thời gian hiệu lực của bảo lãnh, cũng như sau khi Chứng thư bảo lãnh đã hết hiệu lực, V chưa nhận được bất kỳ văn bản, tài liệu chính thức của nguyên đơn hoặc của Công ty Đ có nội dung đề nghị Ngân hàng gia hạn thời hạn hiệu lực của Chứng thư bảo lãnh số BL074303, số tham chiếu MD1801200794 ngày 12-01-2018.

Thứ tư: Tại mục 6 Chứng thư bảo lãnh ghi: “*Bất cứ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nào của bên nhận bảo lãnh chỉ được coi là hợp lệ khi V nhận đủ hồ sơ theo quy định tại mục 5 nêu trên trong giờ làm việc của V theo địa chỉ được nêu tại phần đầu của thư bảo lãnh này và trong thời hạn của Thư bảo lãnh này*”. Tuy nhiên, V chỉ nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của nguyên đơn vào cuối tháng 6-2018, vượt quá thời hạn hiệu lực được ghi nhận trên Chứng thư bảo lãnh số BL074303, số tham chiếu MD1801200794 ngày 12-01-2018.

Từ bốn căn cứ trên, V không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ, nhưng không có bản tự khai, không cử người tham gia tố tụng.

2. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Đ đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ, nhưng không có mặt.

Căn cứ Công văn số 11400/QLXNC-P5 ngày 14-7-2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, thì ông Trần Anh Đức - Chức vụ: Giám đốc Công ty đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất là ngày 17-6-2018 cho đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Đ không còn hoạt động.

Tại Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 07/QĐ-PC01 ngày 16-12-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình quyết khởi tố vụ án hình sự xảy ra tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình và đã xác định ông Trần Anh Đức - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Đ có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt 1.300.000 đồng của Công ty TNHH Xây dựng và Tổng hợp Đ. Tại Thông báo số 04/TB-CSĐT ngày 16-4-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình thông báo về việc tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Ngân hàng V - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình, vì đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 21-10-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình:

Áp dụng Điều 37 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, và Điều 336 của Bộ luật Dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Tổng hợp Đ về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày 28-6-2018 cho đến khi thi hành xong số tiền trên theo mức lãi suất 8,5% x 150% năm.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Xây dựng Tổng hợp Đ phải chịu 1.500.000 đồng cho phí tố tụng (đã nộp đủ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01-11-2021, Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Đ kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 01-11-2021, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Tổng hợp Đ kháng cáo bản án sơ thẩm; đơn kháng cáo của nguyên đơn là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty Đ giữ nguyên kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện; trường hợp không sửa án thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Bị đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ngân hàng TMCP V phải thanh toán tiền đúng theo nghĩa vụ đã cam kết tại Chứng thư bảo lãnh và trả tiền lãi phát sinh. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết bằng vụ án Kinh doanh thương mại và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh” là đúng quy định tại khoản 5 Điều 30 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Đ đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt. Tại Công văn số 11400/QLXNC-P5 ngày 14-7-2020, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định: Ông Trần Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất là ngày 17-6-2018 cho đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc Thông báo trên Kênh đối ngoại VoV5 Đài tiếng nói Việt Nam và niêm yết các văn bản tố tụng trên Cổng thông tin điện tử của ngành Tòa án, nhưng không có kết quả hồi âm của ông Trần Anh Đức. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của Công ty Đ:

[2.1]. Đối với Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số tham chiếu MD1801200794 ngày 12-01-2018:

[2.1.1]. Ngày 10-01-2018, Công ty Đ và Công ty Đ ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2018, với nội dung: Công ty Đ nhận vận chuyển đá cho Công ty Đ, với giá 110.000 đồng/m³; phương thức thanh toán; Công ty Đ chuyển cho Công ty Đ ứng trước 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ngày 12-01-2018, Công ty Đ gửi Đề nghị phát hành Bảo lãnh cho Ngân hàng V; loại bảo lãnh: hoàn trả tiền ứng trước; bên nhận bảo lãnh: Công ty Đ; bảo lãnh tạm ứng theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2018; số tiền bảo lãnh bảo hành: 1.300.000.000 đồng; thời hạn bảo lãnh: 30 ngày; hình thức của cam kết bảo lãnh được phát hành: Thư bảo lãnh; biện pháp bảo đảm: phong tỏa số tiền 1.300.000.000 đồng tài khoản thanh toán số **109287733** mở tại V Quảng Bình. Cùng ngày, V ban hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số BL074303, số tham chiếu MD1801200794.

[2.1.2]. Ngày 16-01-2018, Công ty Đ đã chuyển vào tài khoản số **142263459** của Công ty Đ mở tại V - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình 1.300.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2018 ngày 10-01-2018 ký kết giữa Công ty Đ với Công ty Đ cũng như văn bản đề nghị phát hành Bảo lãnh của Công ty Đ gửi V chỉ có thông tin số tài khoản để thực hiện giao dịch tạm ứng của Công ty Đ là **109287733** sau khi tiền về tài khoản, nhưng thực tế chưa có khoản tiền nào của Công ty Đ chuyển vào tài khoản số **109287733**. Công ty Đ cho rằng theo Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 101/PLHĐKT/2018 ngày 16-01-2018 ký kết giữa nguyên đơn và Công ty Đ về việc hai bên thỏa thuận chỉ định số thay đổi tài khoản của Công ty Đ là **142263459** tại Ngân hàng V - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình, nhưng trong quá trình xem xét và phát hành Chứng thư bảo lãnh, Ngân hàng V không nhận được bất kỳ thông báo, công văn chính thức nào từ Công ty Đ hoặc của Công ty Đ về việc thay đổi số tài khoản nhận tiền tạm ứng này.

[2.1.3]. Tại Mục 6 Chứng thư bảo lãnh ghi: *“Bất cứ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nào của bên nhận bảo lãnh chỉ được coi là hợp lệ khi V nhận đủ hồ sơ theo quy định tại mục 5 nêu trên trong giờ làm việc của V, theo địa chỉ được nêu tại phần đầu của Thư bảo lãnh này và trong thời hạn của Thư bảo lãnh này”* và tại Mục 10 ghi: *“Thư bảo lãnh này được phát hành duy nhất một bản gốc và không có giá trị nhượng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày toàn bộ số tiền ứng trước được chuyển về tài khoản của bên được bảo lãnh tại V cho đến 18 giờ ngày 12-02-2018 hoặc đến thời điểm bên nhận bảo lãnh thu hồi hết số tiền ứng trước, tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn”*. Như vậy, tính đến 12-02-2018, Ngân hàng V chưa nhận được 1.300.000.000 đồng tại tài khoản số **109287733** của Công ty Đ mở tại V - Chi nhánh Quảng Bình; theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2018 ngày 10-01-2018 ký kết giữa Công ty Đ và Công ty Đ đã thỏa thuận: *“Thời hạn thư bảo lãnh là 30 ngày”* và thực tế ngày 12-01-2018 Ngân hàng V đã phát hành chứng thư bảo lãnh có thời hạn hiệu lực trong 30 ngày, nhưng thực tế V chưa nhận được tiền do Công ty Đ chuyển vào tài khoản đã ấn định, do đó chưa làm phát sinh hiệu lực của Thư bảo lãnh nêu trên.

[2.1.4]. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ cho rằng do chưa thực hiện hợp đồng đúng thời hạn, nên Công ty Đ đã đàm phán xin gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và được ông Trần Đức H - Chức vụ: Phó Giám đốc V - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình cam kết yêu cầu Công ty Đ thực hiện hợp đồng hoặc trả lại tiền tạm ứng cho Công ty Đ, nhưng Ngân hàng không nhận được bất kỳ văn bản, tài liệu chính thức của Công ty Đ hoặc của Công ty Đ, có nội dung đề nghị Ngân hàng gia hạn thời hạn hiệu lực của Chứng thư bảo lãnh số BL074303, số tham chiếu MD1801200794 ngày 12-01-2018; mặc dù, Công ty Đ có đề cập đến thư Bảo lãnh sửa đổi số 01/2018/BL-VPB; 02/2018/BL-VPB; 03/2018/BL-VPB; 04/2018/BL-VPB; 05/2018/BL-VPB, nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh, do đó không có cơ sở xác định lỗi của Ngân hàng V.

[2.2]. Đối với yêu cầu trả tiền theo nghĩa vụ đã cam kết và tiền lãi phát sinh:

Công ty Đ cho rằng dựa trên Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng V và Hợp đồng kinh tế đã ký kết; ngày 16-01-2018, Công ty Đ chuyển vào tài khoản số 142263459 của Công ty Đ mở tại Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Bình 1.300.000.000 đồng. Do Công ty Đ không thực hiện hợp đồng, nên Ngân hàng phải trả tiền gốc và lãi phát sinh với trách nhiệm là bên Bảo lãnh. Tuy nhiên, như nhận định nêu trên, Thư bảo lãnh không làm phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng V, nên yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ là có căn cứ.

Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Đ đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Công ty Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng tổng hợp Đ.

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 21-10-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Tổng hợp Đ về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 28-6-2018 đến khi thi hành xong số tiền trên, theo mức lãi suất 8,5% x 150% năm.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng tổng hợp Đ phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004772 ngày 02-11-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng tổng hợp Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ II;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường